

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT BÌNH TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 9 năm 2021

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế
của trường trung học phổ thông, năm học 2020-2021**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia theo khối lớp		
			Khối 10	Khối 11	Khối 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm				
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1615	394 (76.4%)	462 (84.9%)	542 (97.7%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	1615	106 (20.5%)	63 (11.6%)	13 (2.3%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	1615	15 (2.9%)	19 (3.5%)	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	1615	1 (0.2%)	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực				
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	1615	55 (10.7%)	97 (17.8%)	122 (22%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	1615	274 (53.1%)	272 (50%)	325 (58.6%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	1615	156 (30.2%)	147 (27%)	106 (19.1%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	1615	31 (6%)	25 (4.6%)	2 (0.4%)
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	1615	0	3 (0.6%)	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1001	485	516	
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	274 (17%)	55 (10.7%)	97 (17.8%)	122 (22%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	870 (53.9%)	273 (52.9%)	272 (50%)	325 (58.6%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	55 (3.4%)	30 (5.8%)	25 (4.6%)	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	11 (0.68%)	5 (0.97%)	6 (1.1%)	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)		0/11	2/13	0/2
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	41 (2.5%)	16 (3.1%)	20 (3.7%)	5 (0.9%)

Biểu mẫu 10

	(tỷ lệ so với tổng số)				
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp huyện	-	-	-	-
2	Cấp tỉnh/thành phố	26	5	6	15
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế		0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	555	-	-	555
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	555	-	-	555
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)				
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1615	240/276	262/282	258/297
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	8	1	3	4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Đỗ Đình Đoàn